TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 59/2020/QĐST-HNGĐ	*Thanh Thuỷ, ngày 03 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT: Khu 1 xã Đ (nay là khu K phường M), thành phố V, tỉnh P.
Chỗ ở hiện nay: Khu B, phường M, TP V, tỉnh P

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1979.
Nơi ĐKHKTT: Khu 3 xã Đ, huyện TT, tỉnh P
Chỗ ở hiện nay: Khu B, phường M, TP V, tỉnh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện TT, tỉnh P.

+ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khu 1 xã Đ (nay là khu K phường M), thành phố V, tỉnh P.

+ Ông **Tạ Văn T**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu Trung Phương, phường M1, thành phố V, tỉnh P.

+ Ông **Lưu Quang H2**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu 4 xã Đ (nay là khu Thành Công phường M), thành phố V, tỉnh P.

+ Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu 3 xã Đ, huyện TT, tỉnh P.

+ Anh **Nguyễn Văn H3**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu 3 xã Đ, huyện TT, tỉnh P. (Anh Nguyễn Văn H3 ủy quyền cho vợ là chị Nguyễn Thị L1 theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2020).

+ Bà **Phạm Thị S1**, SN 1956; Địa chỉ: Khu 9 thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh P.

+ **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh V1 – Phòng giao dịch N**; Địa chỉ: SN 432, Tầng 1 Tòa nhà làm việc và kinh doanh của Công ty TNHH Thiết bị điện công nghiệp - Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố V, tỉnh P. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết – Chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Minh H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung**: Chị H và anh H1 đều xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan Anh và cháu Nguyễn Lan Chinh. Chị H và anh H1 thỏa thuận:

Giao cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Nguyễn Lan Chinh, sinh ngày 13/5/2013 kể từ khi chấm dứt hôn nhân cho đến khi cháu thành niên.

Giao cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Nguyễn Thị Lan Anh, sinh ngày 09/02/2008 kể từ khi chấm dứt hôn nhân cho đến khi cháu thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*** Về tài sản cho vay, công sức đóng góp**: Chị H và anh H1 đều xác định không có

*** Về tài sản chung, nợ chung**: Chị H và anh H1 đã tự thỏa thuận trước khi Tòa án hòa giải.

Chị H và anh H1 đều xác định có tài sản chung, nợ chung theo như biên bản thỏa thuận ngày 27/02/2020 về việc phân chia tài sản và công nợ giữa hai vợ chồng. Anh H1 và Chị H đều đề nghị Tòa án ghi nhận vào Bản án, Quyết định của Tòa án. Cụ thể như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Văn H1 được sử dụng và định đoạt các tài sản gồm:

+ 01 thửa đất (đất ở nông thôn) số 395, tờ bản đồ số 02, diện tích 197,9m^2 tại khu Đồng Quanh, xã Đ, huyện TT, tỉnh P. Đất đã được UBND huyện TT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 570364 ngày 17/12/2008 đứng tên ông

Nguyễn Văn H1, SN 1979 và bà Nguyễn Thị Huệ, SN 1985 (đã đính chính thành Nguyễn Minh H, SN 1984).

+ 01 thửa đất (đất ở tại đô thị) số 135, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 tại khu B, phường M, TP V, tỉnh P. Đất đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979350 ngày 05/01/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn H1, SN 1979 và bà Nguyễn Minh H, SN 1984.

+ 01 Nhà 02 tầng, diện tích mặt sàn xây dựng là 93m^2 cùng toàn bộ tài sản, vật kiến trúc khác xây dựng trên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 13 đứng tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Minh H tại khu B, phường M, TP V, tỉnh P.

+ 01 xe ô tô khách nhãn hiệu COUNTY HM (29 chỗ ngồi), Số máy D4DDD541192, Số khung 17PPDT002542; Biển kiểm soát 19B-009.26; Đăng ký xe đứng tên anh Nguyễn Văn H1.

+ 1/3 (một phần ba) cổ phần Xưởng sản xuất than sạch thuộc Hợp tác xã sản xuất kinh doanh tổng hợp Thành Trung ở xã Đ, huyện TT, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng gồm:

+ Trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh V1; địa chỉ: SN 432, Tầng 1, tòa nhà làm việc và kinh doanh của Công ty TNHH Thiết bị điện công nghiệp, đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, TP V, tỉnh P số tiền là 1.300.000.000đ (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị L, SN 1951; địa chỉ: Khu 1 xã Đ (nay là khu K phường M), thành phố V, tỉnh P số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

+ Trả cho anh Lưu Quang H2, SN 1978; địa chỉ: Khu 4 xã Đ (nay là khu Thành Công phường M), thành phố V, tỉnh P số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

+ Trả cho ông Tạ Văn T, SN 1962; địa chỉ: Khu Trung Phương, phường M1, thành phố V, tỉnh P: 70.000 (bảy mươi nghìn) viên gạch chỉ.

+ Trả cho ông Lê Văn S, SN 1961 trú tại khu 2 xã Đ, huyện TT, tỉnh P số tiền là 1.070.000.000đ (một tỷ không trăm bẩy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

+ Trả cho bà Phạm Thị S1, SN 1956; địa chỉ: Khu 9 thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh P số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và 02 cây vàng, loại vàng 9999.

Hai bên cam kết đối với các tài sản hoặc các khoản nợ phát sinh ngoài giá trị nêu trên thì hai bên không có quyền và nghĩa vụ liên đới với nhau và phải tự chịu trách nhiệm.

Ngoài những thỏa thuận trên hai bên cam kết không có tranh chấp bất cứ loại tài sản nào khác.

*** Về tài sản riêng:** Ngôi nhà cấp IV lợp ngói đỏ và các tài sản, vật kiến trúc khác xây dựng trên thửa đất số 395, tờ bản đồ số 02 đứng tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Minh H tại khu Đồng Quanh, xã Đ, huyện TT, tỉnh P là của anh Nguyễn Văn H3 và chị Nguyễn Thị L1. Hiện nay anh H1 và Chị H không có yêu cầu anh Hải và chị Lộc trả lại quyền sử dụng đất.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về án phí**: Chị H tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001718 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh P. Chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện TT
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng